

Số: 4080/QĐ-UBND

Tam Bình, ngày 27 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
6 tháng đầu năm 2018 của huyện Tam Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét Tờ trình số 741/TTr.TC-KH, ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 của huyện Tam Bình (có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thường xuyên theo dõi, kiểm tra, tạo điều kiện cho các đơn vị thực hiện đúng theo nguyên tắc tài chính theo quy định Nhà nước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Vĩnh Long;
- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- VKS huyện; Tòa án huyện;
- CVP;
- NC Khôi TH;
- Lưu: VT.



Trần Văn Dũng

Số: 741/TT-TC – KH

Tam Bình, ngày 13 tháng 7 năm 2018.

TỜ TRÌNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 của huyện Tam Bình

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Tam Bình.

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Nay phòng Tài chính – Kế hoạch kính trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét ra quyết định công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn huyện Tam Bình.

(Theo biểu đính kèm: Mẫu số: 93/CK-NSNN; 94/CK-NSNN; 95/CK-NSNN)

Kính trình Ủy ban nhân dân huyện thống nhất ra quyết định công bố công khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Phan Thị Lan

THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP		356			
B		65.720	36.525	55,58	130,99
1	Từ các khoản thu phân chia	42.500	18.694	43,99	116,05
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	23.220	17.831	76,79	151,15

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2018

(Số liệu đến ngày 30/6/2018)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	416.416	348.753	83,75	122,13
I	Thu cân đối NSNN	68.720	36.525	53,15	131,16
1	Thu nội địa	68.720	36.525	53,15	131,16
II	Thu tài trợ tổ chức trong nước		375		2,60
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		28.789		104,48
IV	Thu phản ánh qua ngân sách	2.000	0	0,00	0,00
V	Thu trợ cấp cân đối ngân sách	296.467	184.539	62,25	147,63
VI	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh	49.229	98.169	199,41	108,24
VII	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		356		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	412.316	324.224	78,63	142,97
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	412.316	236.426	57,34	134,05
1	Chi đầu tư phát triển	21.990	54.714	248,81	795,96
2	Chi thường xuyên	381.505	181.712	47,63	107,46
3	Dự phòng ngân sách	6.821	0	0,00	0,00
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh		87.798		174,16
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		21.897		218.970,00
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		54.873		160,02
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		11.028		68,45

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	416.416	348.753	83,75	122,13
I	Thu nội địa	68.720	36.525	53,15	131,16
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		0	-	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	29.000	11.829	40,79	114,40
4	Thuế thu nhập cá nhân	13.500	6.865	50,85	130,64
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	9.100	6.818	74,92	169,31
7	Thu phí, lệ phí (Phí TW 1,800 trđ)	4.200	2.188	52,10	101,39
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.570	6.853	104,31	178,56
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	270	195	72,22	1.083,33
-	Thu tiền sử dụng đất	6.000	6.286	104,77	180,89
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	300	371	123,67	107,54
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	5.150	1.972	38,29	156,51
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
12	Thu phạt an toàn giao thông	1.200	0	0,00	0,00
II	Thu tài trợ tổ chức trong nước		375		
III	Thu chuyển nguồn		28.789		104,48
IV	Thu phản ánh qua ngân sách	2.000	0	0,00	0,00
V	Thu trợ cấp cân đối ngân sách	296.467	184.539	62,25	147,63
VI	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh	49.229	98.169	199,41	108,24
VII	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		356		
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	65.720	36.525	55,58	130,89
1	Từ các khoản thu phân chia	42.500	18.694	43,99	116,05
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	23.220	17.831	76,79	151,15

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	412.316	324.224	78,63	142,97
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	412.316	236.426	57,34	134,05
I	Chi đầu tư phát triển	21.990	54.714	248,81	795,96
1	Chi đầu tư cho các dự án	21.990	54.714	248,81	795,96
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	381.505	181.712	47,63	107,46
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	197.296	89.710	45,47	107,99
2	Chi khoa học và công nghệ	210	7	3,33	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	220	136	61,82	194,29
4	Chi văn hóa thông tin	5.113	2.361	46,18	90,29
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.595	836	52,41	117,25
6	Chi thể dục thể thao	1.190	964	81,01	103,43
7	Chi bảo vệ môi trường	2.720	1.050	38,60	77,09
8	Chi hoạt động kinh tế	25.480	10.191	40,00	156,64
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	90.570	46.649	51,51	104,69
10	Chi bảo đảm xã hội	37.232	20.049	53,85	108,86
III	Dự phòng ngân sách	6.821	0	0,00	
IV	Các khoản chi phản ánh qua ngân sách	2.000	0	0,00	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		87.798		174,16
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		21.897		218.970,00
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		54.873		160,02
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		11.028		68,45